

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI  
BAN KINH TẾ TỈNH ỦY

330.959 775

ĐC

B108M

**30** NĂM  
**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN**  
**KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**  
(1975 - 2005)



NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

**30 NĂM**  
**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN**  
**KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**  
**(1975-2005)**

---

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI  
BAN KINH TẾ TỈNH ỦY

**30 NĂM**  
**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN**  
**KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**  
**(1975-2005)**

THƯ VIỆN  
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2006

**DANH SÁCH CHỈ ĐẠO VÀ BAN BIÊN SOẠN SÁCH:  
30 năm xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh Đồng Nai  
(1975-2005)**

***Chỉ đạo thực hiện:***

- **Lê Hồng Phương**                      *Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Đồng Nai.*
- **Võ Văn Một**                         *Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.*

***Ban biên soạn:***

- **Phan Trung Kiên**                    *Trưởng Ban Kinh tế Tỉnh ủy Đồng Nai*
- **Phạm Văn Sáng**                    *Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai.*
- **Ngô Quang Minh**                  *Viện trưởng Viện Quản lý kinh tế - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.*
- **Trần Minh Phúc**                    *Bí thư Huyện ủy Nhơn Trạch - Đồng Nai.*
- **Phan Thị Mỹ Thanh**              *Giám đốc Sở Công nghiệp Đồng Nai.*
- **Lê Xuân Mùi**                        *Cục trưởng Cục Thống kê Đồng Nai.*
- **Nguyễn Cảnh**                        *Giám đốc Sở Xây dựng Đồng Nai.*
- **Lê Mai Thanh**                      *Giám đốc Sở Lao động - Thương binh xã hội Đồng Nai.*
- **Nguyễn Văn Giàu**                 *Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai.*
- **Tô Thành Buông**                  *Phó Ban Kinh tế Tỉnh ủy Đồng Nai.*

**Các chuyên viên của Ban Kinh tế Tỉnh ủy và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.**

# LỜI GIỚI THIỆU

Từ sau giải phóng, đặc biệt từ khi Đảng khởi xướng công cuộc đổi mới đến nay, Đồng Nai đã đạt những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Từ năm 2005 cùng cả nước, Đồng Nai sẽ bước vào giai đoạn phát triển mới khi Việt Nam hội nhập sâu hơn, rộng hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới với việc thực hiện ngày càng đầy đủ hơn các cam kết quốc tế như Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung cho khu vực mậu dịch tự do ASEAN (CEPT/AFTA), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)..., đặc biệt là việc Việt Nam đang nỗ lực đàm phán để trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Vì vậy, đánh giá một cách toàn diện quá trình xây dựng và phát triển kinh tế Đồng Nai giai đoạn 1975-2005, làm rõ những thành công, hạn chế và nguyên nhân, nhận thức đúng đắn những thuận lợi, khó khăn, thời cơ và thách thức đối với nền kinh tế Đồng Nai nhằm hoạch định chiến lược đúng đắn cho sự phát triển trong giai đoạn mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Xuất phát từ đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Kinh tế Tỉnh ủy Đồng Nai phối hợp với Viện Quản lý kinh tế Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh triển khai nghiên cứu đề tài khoa học kỹ thuật cấp tỉnh năm 2004-2005: *Tổng kết 30 năm xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh Đồng Nai 1975-2005*. Trong quá trình triển khai nghiên cứu, đề tài đã được nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt các sở, ban, ngành của tỉnh và các nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của các cơ quan Trung ương cùng tham gia phối hợp thực hiện.

Kết quả nghiên cứu của đề tài đã được Hội đồng Khoa học công nghệ chuyên ngành nghiệm thu, đánh giá cao. Trên cơ sở kết quả nghiên

cứu đề tài, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ban Kinh tế và Sở Khoa học và Công nghệ biên tập và xuất bản cuốn sách *30 năm xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh Đồng Nai (1975-2005)*, nhằm phổ biến rộng rãi kết quả nghiên cứu, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh trong những năm tới.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

**Trần Đình Thành**  
**ỦY VIÊN TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**  
**BÍ THƯ TỈNH ỦY ĐỒNG NAI**

# LỜI NÓI ĐẦU

Trong thời gian 30 năm kể từ ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (1975), đặc biệt từ năm 1986, khi Đảng bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới, chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đồng Nai luôn thể hiện sự năng động, sáng tạo, đã đạt được những thành tích đáng kể và là một trong những địa phương đi đầu trong cả nước về phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực ngày càng sâu, rộng hiện nay đang đặt ra cho Đồng Nai những nhiệm vụ mới, những thời cơ và thách thức mới. Việc nhận thức đúng đắn những vấn đề trên có ý nghĩa vô cùng quan trọng, quyết định đến thắng lợi trong chỉ đạo, điều hành kinh tế của Tỉnh trong thời gian tới. Với lý do đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo triển khai nghiên cứu đề tài: *Tổng kết 30 năm xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh Đồng Nai 1975-2005*.

Mục tiêu của đề tài là tổng kết toàn diện quá trình xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh Đồng Nai từ ngày giải phóng đến nay (1975-2005) trên các ngành, các lĩnh vực và khu vực kinh tế quan trọng; rút ra những thành công, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; đề xuất định hướng, giải pháp góp phần phát triển nhanh và bền vững kinh tế Đồng Nai trong thời gian tới.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đề tài, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Kinh tế Tỉnh ủy Đồng Nai phối hợp với Viện Quản lý kinh tế - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh biên tập và xuất bản cuốn sách *30 năm xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh Đồng Nai (1975-2005)*.

Tập thể tác giả trân trọng cảm ơn Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Ban Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã chỉ đạo, tạo điều kiện triển khai nghiên cứu đề tài và sự cộng tác, giúp đỡ của Nhà xuất bản Lý luận chính trị trong việc xuất bản cuốn sách này; cảm ơn các nhà khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ quan Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh; cảm ơn các nhà lãnh đạo, quản lý các sở, ban, ngành cùng nhiều nhà khoa học của tỉnh Đồng Nai đã phối hợp thực hiện giúp đỡ cho sự thành công của đề tài.

Kết quả nghiên cứu chắc chắn không tránh khỏi những sai sót nhất định, rất mong nhận được ý kiến góp ý của độc giả.

TẬP THỂ TÁC GIẢ



Phần thứ nhất

---

**TỔNG KẾT 30 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI  
(1975-2005)**

# Chương 1

## ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 1975-2005

### 1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

#### a. Vị trí địa lý, địa giới hành chính, diện tích

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, tháng 1-1976 Đồng Nai được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh và Tân Phú. Tỉnh Đồng Nai lúc đó có diện tích 8.360 km<sup>2</sup>; tiếp giáp các tỉnh Sông Bé, Thuận Hải, Lâm Đồng và Thành phố Hồ Chí Minh; có thành phố Biên Hòa là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh và các đơn vị hành chính trực thuộc khác là huyện Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Long Đất, Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Phú, Duyên Hải và thị xã Vũng Tàu.

Năm 1979 tỉnh Đồng Nai có 01 thành phố, 8 huyện, 01 quần đảo, 141 phường, xã, thị trấn.

Năm 1985 tỉnh Đồng Nai có 01 thành phố, 01 thị xã (Vĩnh An), 7 huyện, 147 phường, xã, thị trấn.

Năm 1990 tỉnh Đồng Nai có 01 thành phố, 01 thị xã, 7 huyện, 155 xã, phường, thị trấn.

Năm 1992 tỉnh Đồng Nai có 01 thành phố, 01 thị xã, 6 huyện, 119 xã, phường, thị trấn.

Năm 1995 tỉnh Đồng Nai có 01 thành phố, 8 huyện, 163 xã, phường, thị trấn.

Trước yêu cầu phát triển chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương và cả nước, Đồng Nai đã trải qua nhiều lần thay đổi địa giới hành chính.

Sự thay đổi địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai diễn ra như sau:

- Ngày 29-12-1978 cắt huyện Duyên Hải nhập về Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 30-5-1979 lập đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo.

- Ngày 09-12-1982 thành lập huyện Trường Sa tách từ huyện Long Đất, ngày 28-12-1982 sáp nhập huyện Trường Sa vào tỉnh Phú Khánh (nay là Khánh Hòa).

- Ngày 23-12-1985 thành lập thị xã Vĩnh An.

- Ngày 10-4-1991 chia huyện Xuân Lộc thành 2 huyện Long Khánh và Xuân Lộc, chia huyện Tân Phú thành 2 huyện Tân Phú và Định Quán.

- Ngày 12-8-1991 cắt 3 huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc của tỉnh Đồng Nai nhập về đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo để thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ngày 26-3-1994 chia huyện Long Thành thành 2 huyện Long Thành và Nhơn Trạch.

- Ngày 29-8-1994 lập lại huyện Vĩnh Cửu từ thị xã Vĩnh An.

- Ngày 21-8-2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2003/NĐ-CP về việc thành lập thị xã Long Khánh và các phường, xã trực thuộc thị xã Long Khánh; thành lập các huyện Cẩm Mỹ và Trảng Bom.

Như vậy, hiện nay tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 1 thành phố, 1 thị xã và 9 huyện:

- Thành phố Biên Hòa (đô thị loại II) là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của tỉnh, nằm cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 30 km về phía Đông Bắc theo quốc lộ 1A.

- Thị xã Long Khánh.

- Huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ, Trảng Bom.

Đồng Nai là tỉnh cực Bắc của miền Đông Nam Bộ, có diện tích tự nhiên là 5.862,37 km<sup>2</sup> (bằng 1,76% diện tích tự nhiên cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên vùng Đông Nam Bộ), nằm ở tọa độ 10°30'03" đến 11°34'57" vĩ Bắc và 106°45'30" đến 107°35'00" kinh Đông, tiếp giáp các tỉnh:

- Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, Đông Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng - những địa phương có nhiều tiềm năng kinh tế, đặc biệt là tiềm năng kinh tế du lịch.

- Phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước - những tỉnh có nền kinh tế chuyển động nhanh và mạnh mẽ theo hướng hình thành các khu công nghiệp lớn.

- Phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - khu công nghiệp dịch vụ dầu khí duy nhất của cả nước, đồng thời là khu du lịch biển có thể khai thác bốn mùa.

- Phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật lớn nhất cả nước, có khả năng cung cấp nguồn nhân lực, các dịch vụ khoa học - kỹ thuật, tài chính - ngân hàng, các loại sản phẩm công nghệ cao,... đồng thời cũng là một thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn.

Với vị trí nằm ở trung tâm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam - khu vực kinh tế năng động nhất cả nước và ngay ở cửa ngõ phía Đông của Thành phố Hồ Chí Minh; có hệ thống giao thông khá thuận lợi, bao gồm đường thủy, đường bộ, đường sắt nối liền với các địa phương khác trong khu vực và cả nước như quốc lộ 1A, quốc lộ 20, quốc lộ 51, quốc lộ 1K, đường sắt Bắc Nam,...; gần sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất; có sân bay quân sự Biên Hòa. Đồng Nai như một khu vực “bản lề chiến lược” về kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh - quốc phòng gắn kết Nam Trung Bộ, Tây Nguyên với toàn vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh, thành phố khác ở phía Nam.

Có thể nói Đồng Nai có vị trí đặc biệt thuận lợi trong mối quan hệ kinh tế vùng.

## **b. Địa hình**

Địa hình Đồng Nai là địa hình trung du, chuyển tiếp từ vùng cao nguyên Nam Trung Bộ đến đồng bằng Nam Bộ, tương đối bằng phẳng, có

độ cao trung bình dưới 100 m so với mặt biển, giảm dần từ Đông Bắc sang Tây Nam, có thể phân thành 4 dạng tiêu biểu:

- Địa hình đồng bằng với độ cao trung bình 5-10 m so mặt biển (đồng bằng thấp và đồng bằng cao);
- Địa hình bậc thềm với độ cao trung bình 10-45 m;
- Địa hình đồi 45-200 m;
- Địa hình núi thấp với độ cao trung bình trên 300 m.

Địa hình hình đồi được xem là địa hình đặc trưng của tỉnh.

Địa hình đất Đồng Nai có độ dốc không lớn, chỉ 8% đất có độ dốc lớn hơn  $15^\circ$ , còn lại 92% đất có độ dốc nhỏ hơn  $15^\circ$ , trong đó 82,09% đất có độ dốc nhỏ hơn  $8^\circ$ . Với đặc điểm như vậy có thể nói, địa hình đất Đồng Nai rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp so với các địa phương khác ở Tây Nguyên (đất có độ dốc nhỏ hơn  $15^\circ$  chỉ chiếm 42%) và Duyên hải miền Trung (đất có độ dốc nhỏ  $15^\circ$  chỉ chiếm 37%).

### c. Khí hậu, thủy văn

Khí hậu ở Đồng Nai mang tính chất nhiệt đới cận xích đạo thuộc khu vực Châu Á nhiệt đới gió mùa:

- Chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam, ngoài ra còn chịu sự chi phối của không khí chí tuyến Thái Bình Dương từ tháng 4 đến tháng 10;

- Rõ rệt hai mùa mưa nắng, mùa khô kéo dài 5 đến 6 tháng (từ tháng 12 đến tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau), mùa mưa kéo dài 6 hoặc 7 tháng (từ tháng 4 hoặc tháng 5 đến tháng 11).

- Nhiệt độ trung bình hàng năm từ  $23,9^\circ\text{C}$  đến  $29^\circ\text{C}$ , thấp hơn so với mức trung bình của vùng nhiệt đới ( $26-30^\circ\text{C}$ ).

- Số giờ nắng trung bình: 4-9,5 giờ/ngày, 2.500-2.860 giờ/năm. Số giờ nắng cao nhất trong mùa khô không vượt quá 11,5 giờ/ngày.

- Tổng số ngày mưa trong năm là 120-170 ngày (tiêu chuẩn vùng nhiệt đới 150-160 ngày) với tổng lượng mưa trong năm 1.500 mm-2.750 mm, lớn nhất vùng Đông Nam Bộ. Phân bố lượng mưa ở Đồng Nai giảm dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông. Lượng mưa lớn nhất, trên

2.500 mm/năm với số ngày mưa trong năm 140-160 ngày diễn ra ở các huyện Tân Phú, Định Quán và Bắc Vĩnh Cửu. Giữa các vùng, lượng mưa có khác nhau với độ chênh lệch không cao, khoảng 13-15%. Căn cứ vào lượng mưa và thời gian mưa trong năm, có thể chia Đồng Nai thành 3 tiểu vùng khí hậu.

Nước mưa là nguồn nước quan trọng cung cấp cho cây trồng ở Đồng Nai. Mùa mưa là thời gian an toàn cho canh tác, nông dân địa phương đã lợi dụng nước mưa canh tác 2-3 vụ cây ngắn ngày/năm. Song, do tần suất mưa khá biến động nên dễ gặp rủi ro, kể cả gieo cấy 1 hoặc 2 vụ trong mùa mưa.

Khó khăn lớn nhất do khí hậu gây ra cho sản xuất nông nghiệp ở Đồng Nai là mùa mưa tập trung với cường độ cao (tháng 9, tháng 10) gây ngập úng vùng đất thung lũng và đất thấp ven sông La Ngà, trong khi đó, vùng đất ở phía Bắc Xuân Lộc lại ít mưa, nắng nhiều nên thiếu nước trầm trọng, chỉ sản xuất 1 vụ mùa mưa nhưng cũng rất bấp bênh.

- Độ ẩm trung bình hàng năm là 80-82%, trong mùa khô độ ẩm thấp hơn trong mùa mưa khoảng 10-12%; độ ẩm giữa các vùng trong tỉnh có khác nhau nhưng mức chênh lệch không lớn.

- Chế độ gió ở các vùng trong tỉnh không đồng nhất do đa dạng về địa hình. Khi ở Biên Hòa hướng gió thịnh hành trong năm là hướng Tây Nam (tần suất 12,6-11%) thì ở Long Khánh là hướng Đông Nam và Tây (tần suất 17,2-13,1%). Tốc độ gió trung bình là 1,5-3 m/s (khoảng 5-10 km/giờ), thường gió mạnh kéo dài khoảng 10-19 giờ/ngày, lặng gió vào ban đêm.

Hàng năm thường có dông từ 80-140 ngày, cao điểm vào tháng 5, tháng 6 nhưng cấp gió không lớn. Đồng Nai ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão. Trong thế kỷ XX, chỉ có 3 cơn bão lớn ảnh hưởng đến Đồng Nai với gió cấp 8, cấp 9 diễn ra trong các năm 1904, 1952, 1997.

- Về chế độ thủy văn. Từ tháng 7 đến tháng 11 hàng năm, mực nước sông ở Đồng Nai luôn ở mức cao, dễ gây lũ vào tháng 8 hoặc tháng 9. Tuy nhiên, ở Đồng Nai nước lũ thường lên xuống chậm, ít thấy lũ kép và không có đợt biến lớn.

Nhìn tổng thể, khí hậu ở Đồng Nai ít có biểu hiện đoạn như sương muối, rét dưới 10°C, bão, lũ lụt, có chế độ nắng, gió, mưa, nhiệt, ẩm ở tỷ lệ cao, tương đối ổn định và phân bố khá đồng đều giữa các vùng cơ bản là thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp và sinh hoạt văn hóa, du lịch hơn hẳn các địa phương khác trong cả nước.

#### d. Dân cư

Với vị trí quan trọng có địa giới chung cùng nhiều địa phương khác trong khu vực, với hệ thống giao thông thuận lợi lại được thiên nhiên ưu đãi tặng cho khí hậu ôn hoà, đa hệ sinh thái, giàu sản vật, Đồng Nai từ lâu đã trở thành nhịp cầu giao lưu kinh tế - văn hóa giữa các vùng cư dân ở phía Nam, trở thành địa bàn hấp dẫn cư dân khắp nơi và là nơi giao lưu dung hợp nhiều màu sắc văn hóa.

Do vậy, dân cư ở Đồng Nai được hình thành từ sự hợp cư của nhiều nguồn cư dân, dung hợp nhiều dòng văn hóa, hay nói cách khác xã hội ở Đồng Nai là cộng đồng đa tộc người, đa tôn giáo<sup>(1)</sup>.

Đồng Nai là một trong những vùng đất có truyền thống lâu nhất của miền Đông khi cư dân Việt tới làm ăn sinh sống. Ít nhất, người Việt, người Hoa đã sinh sống ở Đồng Nai từ thế kỷ XVII. Người địa phương đã có nhiều chục năm sống ngoài vòng kiểm soát của chế độ phong kiến trước khi Nguyễn Hữu Cảnh đặt bộ máy hành chính ở đây<sup>(2)</sup>. Điều này cùng với

---

<sup>(1)</sup> Theo số liệu năm 2004, Đồng Nai có nhiều tôn giáo, bao gồm đạo Phật, Thiên chúa giáo, đạo Tin lành, đạo Cao đài, đạo Hòa hảo, trong đó Thiên chúa giáo chiếm tỷ lệ cao nhất với trên 30% dân số.

<sup>(2)</sup> Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700), một tướng lĩnh tài ba, một nhà quản lý hành chính xuất sắc trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Ông sinh tại xã Chương Tín, huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình.

Đầu xuân Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phúc Chu cử Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất vào Nam kinh lược và thiết lập bộ công quyền, đặt nền pháp trị và xác định cương thổ quốc gia. Theo đường biển, quân của Nguyễn Hữu Cảnh đi ngược dòng Đồng Nai đến cù lao Phố (một cảng sầm uất nhất miền Nam bấy giờ). Sau đó, Nguyễn Hữu Cảnh thanh tra vùng đất Sài Gòn và đặt hai đơn vị hành chính đầu tiên tại Nam Bộ và huyện Phước Long và huyện Tân Bình, dưới quyền của chính phủ Gia Định. Theo Trịnh Hoài Đức trong Gia Định thành thông chí thì “Đất đai mở rộng hơn ngàn dặm, dân số có thêm bốn vạn hộ”. Nguyễn Hữu Cảnh cất đặt các bộ phận trông coi mọi việc như Ký lục (trông coi về hành chính, thuế khóa), Lưu thủ (trông coi về quân sự) và Cai bộ (trông coi về tư pháp). Trích trong *Hỏi đáp 300 năm Sài Gòn*. Nxb. Trẻ, tập 2, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.

đặc điểm tự nhiên thuận lợi đã hình thành ở người Đồng Nai cách sống phóng khoáng, rộng mở, tự chủ, và hệ quả của nó là việc hình thành các làng ấp, thôn xóm ở Đồng Nai không theo một khuôn mẫu nhất định.

Các tộc người Mạ, Châu Ro, X'tiêng, K'ho được xem là tộc người bản địa. Các cư dân đến sớm thường cư trú ở gò đồi, vùng có nước ngọt theo tuyến sông rạch, chủ yếu là các tuyến sông chính như sông Đồng Nai, Thị Vải, Nhà Bè,... hình thành nên các thôn làng gắn với nghề sông nước, ruộng rẫy và buôn bán như các làng cổ Bến Gỗ (Long Thành), Đồng Môn (Nhơn Trạch), Bến Cá (Vĩnh Cửu), Cù Lao Phố (Biên Hòa).

Các đợt chuyển cư từ Trung Bộ, đồng bằng Bắc Bộ với nhiều lý do và ở nhiều thời điểm khác nhau, dần hình thành các cộng đồng cư dân toả rộng ra các tuyến lộ và vùng trung du. Các lớp người Hoa vùng Quảng Đông, Phúc Kiến nhập cư giới nghề buôn bán sinh sống ở các thị tứ; người Tiều Châu, người Hẹ có truyền thống nghề rẫy khai thác các vùng trung du ở Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc,...

Sự giao lưu giữa người Việt, người Hoa với dân tộc ít người như Mạ, Châu Ro, X'tiêng khiến việc giao thoa văn hóa ngày càng phát triển. Và các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ đã làm cho mối quan hệ giữa các dân tộc ít người với cư dân kháng chiến thêm gắn bó; đời sống của dân tộc ít người chuyển động theo hướng Kinh hoá.

Người dân Đồng Nai giàu truyền thống yêu nước: kiên cường bất khuất trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và cần cù, chịu khó, sáng tạo trong lao động xây dựng và phát triển đất nước.

Lúc mới giải phóng, dân số toàn tỉnh là 1.223.683 người, trong đó dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ 92%; số còn lại là hơn 30 tộc người khác nhau, bao gồm Hoa, Nùng, Châu Ro, Mạ, X'tiêng,... trong đó đông nhất là người Hoa.

Trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, Đồng Nai đã tiếp nhận thêm một lượng lớn cư dân từ Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương khác trong cả nước. Đến nay, tổng số dân của Đồng Nai đã lên tới 2.149.030 người, trong đó dân cư thành thị là 675.154 người, chiếm 31,4% (cùng kỳ, tỷ lệ này của cả nước là 24%), dân cư nông thôn là 1.473.876 người; trong độ tuổi lao động là 54,47%, và là tỉnh có dân số trẻ, có nguồn

THƯ VIỆN  
TỈNH ĐỒNG NAI  
20157/0671



nhân lực lớn thứ hai trong khu vực sau Thành phố Hồ Chí Minh<sup>(1)</sup>.

Như vậy, do lịch sử hình thành các cộng đồng cư dân và điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương, xã hội Đồng Nai được tổ chức theo truyền thống người Việt nhưng không rập khuôn, không xa cội quên nguồn mà mang đậm phong cách rộng mở, có khả năng thích nghi cao, dễ tiếp thu nhân tố mới, nhạy bén với khoa học - kỹ thuật, năng động trong cách nghĩ cách làm, không gò bó trong những khuôn khổ chật hẹp.

## 2. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

### a. Tài nguyên đất

Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Đồng Nai là 586.237 ha, gồm 10 loại đất chính được chia thành 3 nhóm chủ yếu theo nguồn gốc hình thành:

- *Đất hình thành trên đá bazan*, gồm đất đá bột, đất đen<sup>(2)</sup>, đất đỏ,... có độ phì nhiêu cao, chiếm 39,1% diện tích, phân bố chủ yếu ở các huyện Tân Phú, Định Quán, Long Khánh, Xuân Lộc,... phù hợp với nhiều loại cây trồng ngắn ngày và dài ngày.

- *Đất hình thành trên phù sa cổ và đá phiến sét*, bao gồm đất xám, nâu xám, đất loang lổ,... có chất lượng kém hơn so với đất hình thành trên đá bazan, thường chua, nghèo chất hữu cơ, thiếu lân và kali, chiếm diện tích 41,9%, phân bố ở các huyện Xuân Lộc, Long Thành, Thống Nhất, Nhơn Trạch, Biên Hòa, Đông Vĩnh Cửu, phù hợp với một số loại cây ngắn ngày, nhất là các loại đậu và cây ăn trái.

- *Đất thùy thành*, bao gồm đất phù sa, đất gley, đất cát, đất tầng mỏng. Nhóm đất này hình thành trên các trầm tích sông, trầm tích biển, trầm tích sông biển hoặc trầm tích biển đầm lầy, “tuổi” còn trẻ, có một phần bị phèn hoặc nhiễm mặn phải cải tạo mới sử dụng được vào mục đích nông nghiệp; song về cơ bản, chất lượng của nhóm đất này khá tốt, phù hợp với các loại cây lương thực, hoa màu và cây ăn trái, chiếm diện

---

<sup>(1)</sup> Số liệu năm 2003.

<sup>(2)</sup> Đồng Nai là tỉnh có diện tích đất đen 131.605 ha, chiếm 22,44% quỹ đất của tỉnh, xếp vào loại lớn nhất cả nước và đây là loại đất tốt, rất thích hợp với trồng ngô, bông, đậu đỗ, thuốc lá và các loại cây ăn quả (chuối, chôm chôm, măng cầu,...).

tích 9,9%, phân bố chủ yếu ở Tây Nam huyện Nhơn Trạch, Tây Vĩnh Cửu, Biên Hòa, Long Thành.

Đồng Nai có nhiều loại đất chất lượng tốt, thích hợp với việc phát triển các loại cây công nghiệp, cây ăn trái, cây lương thực ngắn và dài ngày, có giá trị kinh tế cao như cao su, cà phê, ngô, đậu,...

Tuy nhiên, đất đai của tỉnh Đồng Nai cũng có một số hạn chế sau:

- Điểm hạn chế lớn nhất là đất có tầng canh tác mỏng: đất có tầng canh tác mỏng hơn 50 cm chiếm đến 44% tổng quỹ đất, đặc biệt có 1/3 quỹ đất có tầng canh tác mỏng hơn 30 cm;

- Các loại đất có chất lượng kém (đất phèn, đất mặn, đất cát, đất nâu và đất xám) chiếm tỷ lệ khá lớn, tới 46,30% diện tích tự nhiên;

- Đất gley ở địa hình trũng, ngập nước quanh năm;

- Đất đã sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp ở Đồng Nai ít được chú trọng đầu tư bảo dưỡng nên đã có biểu hiện thoái hóa, dinh dưỡng trong dung dịch đất mất cân đối giữa N, P, K.

Xét về mục đích công nghiệp, đất đai của Đồng Nai cũng có rất nhiều ưu điểm. Với nhiều vùng đất có độ dốc không lớn, kết cấu chặt, chịu nén tốt, bền vững, tạo điều kiện giảm chi phí trong xây dựng và vận hành các công trình, Đồng Nai có thuận lợi rất lớn so với các địa phương khác trong cả nước trong việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp và đô thị.

## **b. Tài nguyên rừng**

Rừng là tài nguyên quan trọng của tỉnh. Năm 1965, Biên Hòa - Đồng Nai có 168.430 ha rừng tự nhiên, độ che phủ 68%. Đến năm 1995, diện tích rừng của tỉnh là 146.628 ha, chiếm 25% diện tích tự nhiên, trong đó rừng tự nhiên 113.644 ha, rừng trồng 32.984 ha, ngoài ra còn có 43.575 ha đất lâm nghiệp không có rừng.

Rừng Đồng Nai thuộc dạng rừng nhiệt đới, đa dạng sinh vật, giàu nguồn gen, nhiều hệ sinh thái. Có hệ sinh thái nguyên sinh (rừng giồng) và hệ sinh thái rừng ngập mặn (rừng sác). Riêng ở vườn quốc gia Nam Cát Tiên có 636 loài thực vật và 592 loài động vật. Các loài động thực vật

quí hiếm ở Đồng Nai chiếm tỷ lệ cao trong tài sản động thực vật quí hiếm của quốc gia. Trong đó, nhiều loại gỗ quý như cẩm lai, trắc, gõ đô, trai, dáng hương; nhiều loại thú quí hiếm như bò tót, voi, công xanh, trĩ, sao, tê giác, cá sấu,... Không chỉ là có giá trị cao về mặt kinh tế, rừng ở Đồng Nai còn đem lại nguồn dược liệu quí hiếm với khoảng 240 cây lá thuốc và hàng trăm động vật làm dược liệu tốt cho Đông y.

Ngoài ra, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, rừng Đồng Nai còn là mái nhà che chở, nuôi dưỡng lực lượng cách mạng, để lại nhiều trang sử oanh liệt như chiến khu D, rừng Sác.

Như vậy, rừng Đồng Nai như một bảo tàng tự nhiên về sinh học, là lá phổi thanh lọc đem lại không khí trong lành, duy trì nguồn sinh lực dồi dào cho đất, có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch và là tài sản đem lại giá trị kinh tế cao.

### c. Tài nguyên nước

Nước cũng là nguồn tài nguyên quí giá, phong phú ở Đồng Nai. Về nước mặt, do nằm trong vùng chuyển tiếp nên Đồng Nai có mật độ sông, suối dày. Toàn tỉnh có gần 40 sông, suối lớn nhỏ với diện tích mặt nước khoảng 16.666 ha, chiếm tỷ lệ 2,8% diện tích tự nhiên, diện tích lưu vực khoảng 22.000 km<sup>2</sup>, trong đó đáng kể nhất là sông Đồng Nai, sông La Ngà, sông Thị Vải, sông Đồng Tranh, sông Buông,... Hệ thống sông, suối ở Đồng Nai có khối lượng nước khổng lồ 30,2 x 10<sup>9</sup> m<sup>3</sup> mỗi năm, đủ để tạo bầu không khí trong lành, cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt và làm ra điện với công suất lý thuyết hơn 500 nghìn kwh.

Trong phạm vi tỉnh có 23 hồ và đập nước, trong đó lớn nhất là hồ Trị An (diện tích 323 km<sup>2</sup>, dung tích gần 2,8 tỷ m<sup>3</sup> nước, bảo đảm cung cấp điện cho các tỉnh phía Nam, nước sạch cho canh tác và sinh hoạt trong lưu vực 14.900 km<sup>2</sup>, có khả năng điều tiết lũ, nuôi trồng thủy sản và khai thác dịch vụ du lịch). Các hồ khác như Sông Máy (Trảng Bom), Đa Tôn (Tân Phú), Gia Ui, Núi Le, Suối Vọng (Xuân Lộc) cũng có giá trị đáng kể.

Diện tích nước mặt ở Đồng Nai có thể khai thác tốt vào mục đích nuôi trồng thủy sản với khoảng trên 25.000 ha.

Về nước ngầm. Nguồn nước ngầm ở Đồng Nai được đánh giá là tốt

về chất lượng và khá về số lượng, bao gồm 5 tầng chứa nước với bề dày 40-140 m, trữ lượng tĩnh trên 1.940.000 m<sup>3</sup>/ngày, trữ lượng động trên 3.000.000 m<sup>3</sup>/ngày, phân bố không đồng đều giữa các vùng trong tỉnh (vùng phía Bắc của tỉnh có tầng nước ngầm sâu, lưu lượng không lớn; vùng cao nguyên đất đỏ Xuân Lộc có lưu lượng tương đối khá; vùng phía Đông và Đông Nam của tỉnh rất nghèo nước ngầm). Đây là nguồn nước dự phòng và có thể cung cấp phục vụ sản xuất, xây dựng và dân sinh với quy mô vừa và nhỏ.

#### d. Tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản ở Đồng Nai tương đối phong phú và đa dạng. Đến nay, đã phát hiện 214 mỏ, điểm quặng, điểm khoáng với tiềm năng và triển vọng khác nhau thuộc 5 nhóm, bao gồm: than bùn, kim loại, phi kim loại, đá quý - bán quý và nước khoáng. Trong đó, nguyên vật liệu xây dựng (đá, cát, đất sét, laterit, puzolan, keramzit), vàng là các loại khoáng sản có triển vọng nhất và quan trọng nhất trong tỉnh.

- Đá các loại: Là loại khoáng sản có tiềm năng lớn (gần nửa tỷ m<sup>3</sup>), dễ khai thác, phân bố ở khắp các huyện, đủ đáp ứng nhu cầu xây dựng dân dụng, hạ tầng và phát triển công nghiệp, đáng kể là các mỏ đá Trảng Bom 1 - Sông Trầu, Vĩnh Tân, Hóa An, Bình Hóa, Sóc Lu,...

- Sét gạch ngói: Phân bố ở nhiều vùng trong tỉnh, có thể khai thác hàng triệu m<sup>3</sup>/năm.

- Cát xây dựng: Tập trung chủ yếu ở lòng sông Đồng Nai, có trữ lượng cao, chất lượng tốt, hàng năm được bổ sung từ thượng nguồn, đang được khai thác sử dụng cho công nghiệp xây dựng.

Đã tìm thấy vàng ở Hiếu Liêm; thiếc, chì kẽm ở núi Chứa Chan; đá kim ở Bửu Long; quặng môlipden quanh núi Le; các loại đá quý Zircon, Olinvin, Oan, SiO<sub>2</sub> ở Xuân Lộc.

Các loại khoáng sản hiện hữu ở Đồng Nai đã tạo cho địa phương này lợi thế nhất định so với các địa phương khác trong việc phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, gốm mỹ nghệ,...

\*

\* \*

Với những đặc điểm nêu trên về vị trí địa lý, đất đai, khí hậu, tài nguyên, con người,... Đồng Nai có thuận lợi hơn rất nhiều địa phương khác trong vùng và cả nước trong phát triển kinh tế. Những thuận lợi ấy đã hội tụ khá đầy đủ các yếu tố “*thiên thời - địa lợi - nhân hòa*” cho phép kinh tế Đồng Nai phát triển theo hướng đa dạng các ngành nghề, trong đó ngành công nghiệp là ngành có nhiều ưu thế nhất, góp phần to lớn vào việc đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Đất tốt, khí hậu ôn hòa cùng với vị trí gần các đô thị lớn có sức tiêu thụ mạnh, hệ thống giao thông thuận lợi đã tạo điều kiện để Đồng Nai phát triển nông nghiệp nói chung và hình thành những vùng chuyên canh nông sản hàng hóa lớn nói riêng phục vụ tiêu dùng, công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Khí hậu ôn hòa cùng với nhiều cảnh quan thiên nhiên, môi trường hấp dẫn như rừng, núi, sông, hồ, miệt vườn,..., nhiều di tích văn hóa - lịch sử giá trị, đặc biệt là những di tích lịch sử khá nổi tiếng từ thời chiến tranh để lại như chiến khu D, tượng đài đặc công rừng Sác, tượng đài chiến thắng La Nga,... Đồng Nai có tiềm năng khá lớn cho việc phát triển kinh tế du lịch.

Những lợi thế trên cũng sẽ giúp cho Đồng Nai ngày càng thu hút nhiều hơn nữa các dự án đầu tư trong và ngoài nước, đẩy mạnh giao thương hàng hóa trong nước và quốc tế. Đặc biệt trong tương lai gần, khi các tuyến đường cao tốc, tuyến đường sắt Biên Hòa - Bà Rịa - Vũng Tàu, sân bay quốc tế Long Thành, cầu Thủ Thiêm đi qua Long Thành, hệ thống cảng Thị Vải, Bến Đình Sao Mai,... lần lượt được đầu tư và đi vào sử dụng, hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh trở nên hoàn thiện và gắn kết với bên ngoài hơn.

## Chương 2

# TỔNG KẾT QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỒNG NAI TRÊN CÁC NGÀNH, CÁC LĨNH VỰC VÀ KHU VỰC CHỦ YẾU

Quá trình 30 năm xây dựng và phát triển kinh tế Đồng Nai (1975-2005) đã trải qua hai thời kỳ với hai cơ chế quản lý kinh tế khác nhau: thời kỳ 10 năm củng cố, xây dựng và phát triển theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung (1975-1985) và thời kỳ xây dựng và phát triển theo cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (1986-2005).

### 1. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỒNG NAI QUA MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ GIAI ĐOẠN 1975-2005

#### a. Giai đoạn trước đổi mới 1975-1985

Thành tựu nổi bật trong giai đoạn này ở Đồng Nai là tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh sau khi thống nhất đất nước, tiến hành cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa. Phần lớn diện tích đất hoang hóa đã được khai khẩn, mở rộng để đưa vào sản xuất nông nghiệp nhằm giải quyết vấn đề lương thực, phục vụ đời sống dân cư. Nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ đã được khôi phục và xây dựng mới. Mặc dù với số liệu thống kê không đầy đủ nhưng trong giai đoạn

này, kinh tế đạt mức tăng trưởng liên tục qua các năm, ước bình quân 8% năm, đến năm 1985, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của tỉnh đã tăng gấp đôi so với mức năm 1976 và GDP bình quân đầu người gấp 1,4 lần so với năm 1976.

Tuy nhiên, do chủ quan nóng vội trong cải tạo xây dựng xã hội chủ nghĩa cùng với cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, nên kinh tế ngày càng trở nên trì trệ, kém năng động, không khuyến khích người lao động trong sản xuất - kinh doanh... Kết quả là tăng trưởng kinh tế chậm lại và có xu hướng giảm, GDP thời kỳ 1981-1985 chỉ đạt mức trung bình 6,4% năm, thấp hơn so với mức 9,9% của thời kỳ 1976-1980. Cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh chuyển dịch chậm. Đến năm 1985, tỷ trọng nông nghiệp chiếm tới 57,5% GDP toàn tỉnh, trong khi đó tỷ trọng công nghiệp chỉ chiếm có 18,2%.

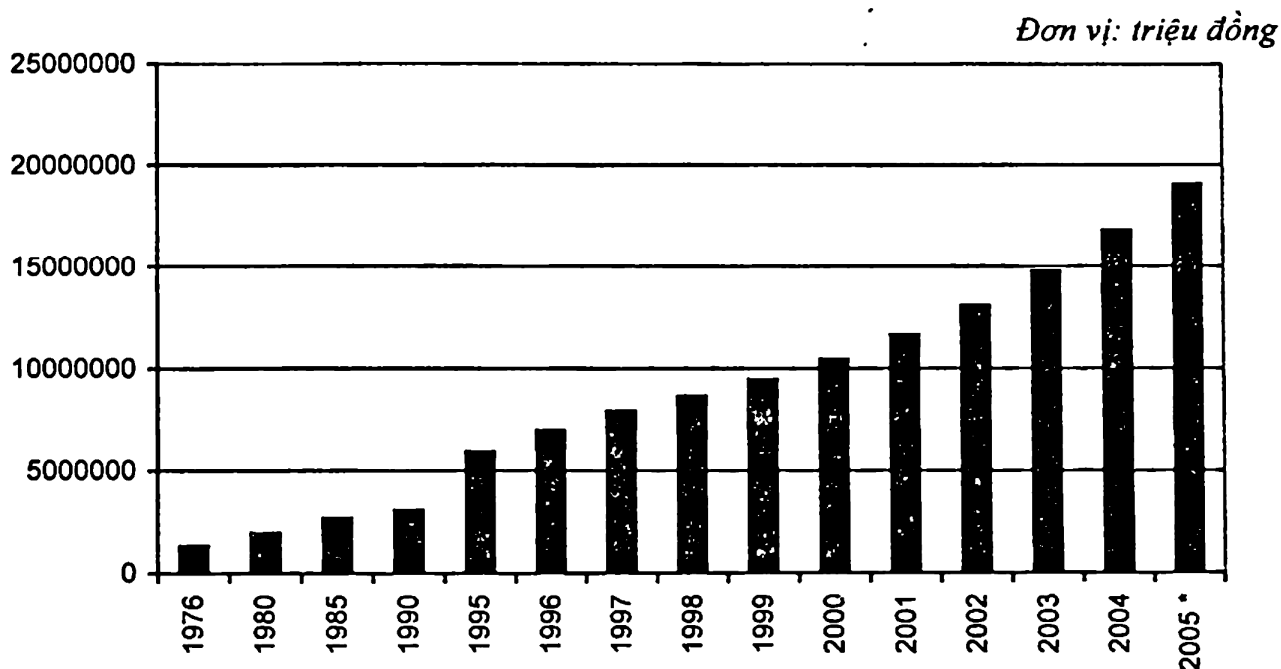
#### **b. Giai đoạn đổi mới từ 1986 đến nay**

Đây là giai đoạn thực hiện đường lối đổi mới cơ chế quản lý kinh tế do Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra theo hướng kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, dưới sự lãnh đạo năng động, tích cực, chủ động của Đảng bộ và chính quyền tỉnh, cùng với những nỗ lực không ngừng của nhân dân toàn tỉnh, kinh tế Đồng Nai có những bước nhảy vọt, tạo nên những chuyển biến tích cực. GDP (tính theo giá cố định 1994) của năm 2000 tăng gấp 3,86 lần so với năm 1985 và gấp 7,7 lần năm 1976. Năm 2005, GDP của Đồng Nai ước đạt 19.167 tỷ đồng, GDP bình quân đầu người đạt 785 USD (giá cố định năm 1994).

Điểm nổi bật ở giai đoạn này là tăng trưởng kinh tế hàng năm luôn đạt mức hai con số, riêng trong thời kỳ 1991-1995, GDP bình quân tăng xấp xỉ 14%/năm, mức cao nhất trong toàn bộ giai đoạn. Cơ cấu kinh tế đã có chuyển hướng tích cực, tỷ trọng công nghiệp từ 18,2% năm 1985 đã tăng lên 38,7% năm 1995. Tăng trưởng kinh tế cao đã tạo điều kiện tập trung nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống giao thông, hệ thống điện, thông tin liên lạc... phát triển mạnh. Đây là điều

kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư nước ngoài, trở thành một động lực mạnh thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn này và giai đoạn tiếp theo.

**Biểu 1. GDP qua các năm (giá so sánh 1994)**



*Chú thích: \* ước tính.*

*Nguồn: Số liệu Cục Thống kê Đồng Nai, 2005.*

Thời kỳ 1996-2004, tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế có giảm so với thời kỳ 1991-1995 nhưng mức bình quân vẫn đạt 12% năm, năm 2004 đạt 13,6%. Đến năm 2004, GDP (giá so sánh 1994) đạt 16.813 tỷ đồng, bằng 6,19 lần năm 1985. Mức tăng trưởng bình quân tính cho cả giai đoạn 1986-2004 đạt 10,34%, cao hơn so với 8% của giai đoạn 1976-1985, và cao hơn gấp hai lần so với mức tăng chung của cả nước. Đặc biệt là trong 15 năm 1991-2004, Đồng Nai đạt mức tăng trưởng kinh tế trung bình hàng năm khá cao là 13% (cao hơn cả Thành phố Hồ Chí Minh với mức trung bình là 11,3%) và đứng cao nhất trong 8 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam qua tất cả các giai đoạn.

GDP bình quân đầu người đến năm 2004 đã đạt 7.692.000 đồng (theo giá cố định 1994, tương đương 699 USD). Tỷ trọng giá trị tổng sản phẩm của Đồng Nai luôn luôn trên 4% GDP của cả nước (năm 2003: 4,4%).



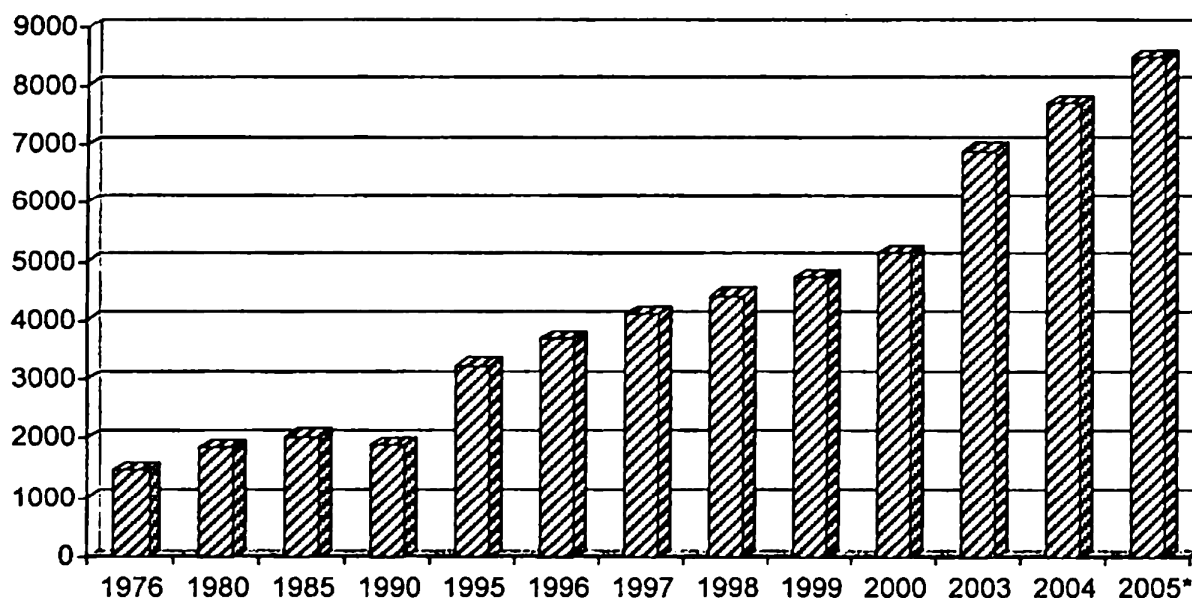
**Bảng 1: Tăng trưởng GDP của Đồng Nai và một số vùng**

*Đơn vị tính: %*

Tăng trưởng GDP	1991-1995	1996-1999	1991-1999
Cả nước	8,21	6,30	7,52
Vùng Đông Nam Bộ	11,22	9,78	10,66
Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	11,73	10,33	11,18
Đồng Nai	13,90	12	13

*Nguồn: Viện Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và Cục Thống kê Đồng Nai.*

**Biểu 2. GDP đầu người qua các năm (giá cố định 1994)**



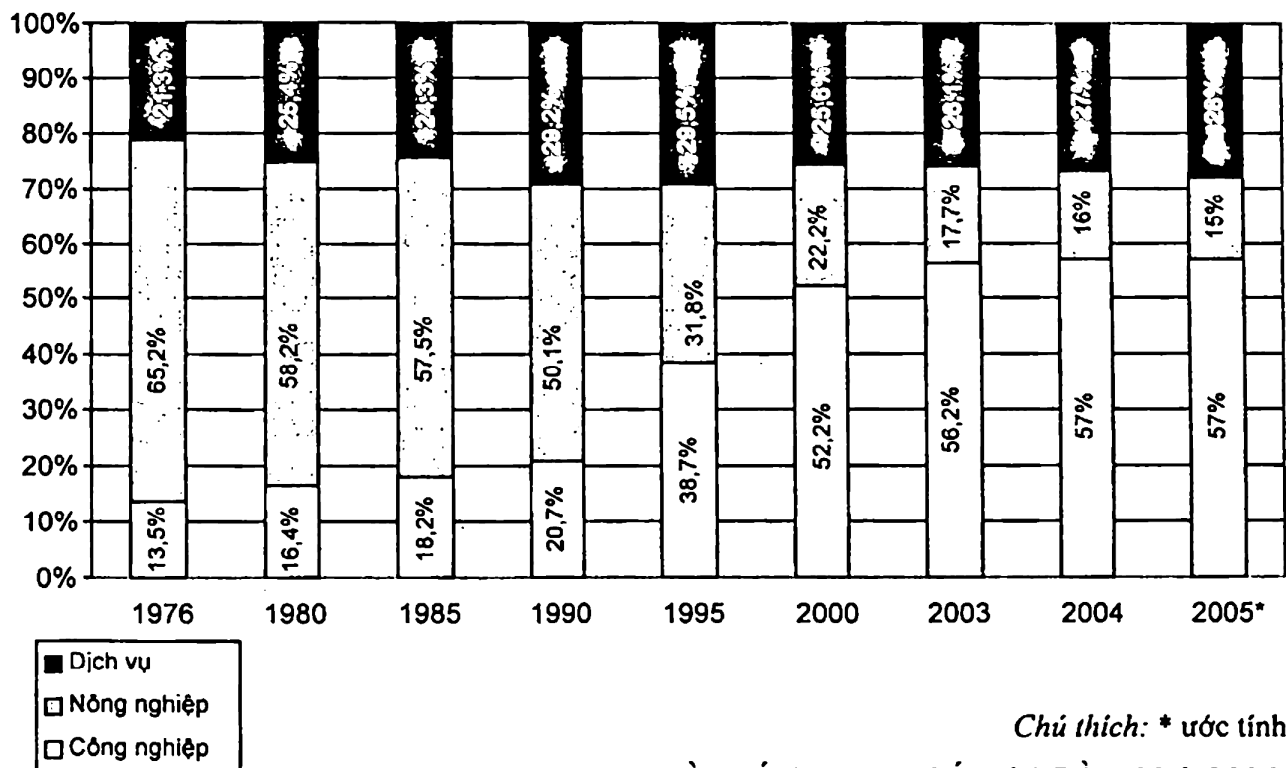
*Chú thích: \* ước tính.*

*Nguồn: Số liệu Cục Thống kê Đồng Nai, 2005.*

Trong 30 năm qua, đặc biệt là từ khi bắt đầu cuộc cuộc đổi mới, Đồng Nai coi chuyển dịch cơ cấu kinh tế là vấn đề chiến lược của mình để thực hiện các mục tiêu phát triển. Thời kỳ 1991-2004 cơ cấu kinh tế của vùng có sự chuyển dịch khá nhanh. Tỉnh Đồng Nai đã có nhiều biện pháp chú trọng phát triển nông nghiệp và nông thôn trong quá trình thực hiện chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đã xuất hiện một số vùng nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có mối liên kết với công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Mặc dù nông nghiệp trong vùng vẫn tăng

khá về giá trị tuyệt đối, bảo đảm cung cấp hàng nông sản cho công nghiệp và xuất khẩu, nhưng do công nghiệp và dịch vụ tăng nhanh nên tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP đã giảm bớt và đây là xu hướng lành mạnh. Cơ cấu kinh tế của tỉnh đã từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy lợi thế so sánh của từng ngành, từng vùng trong tỉnh. Năm 1985, tỷ trọng nông, lâm nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ trong GDP của tỉnh tương ứng là 57,5%, 18,2% và 24,3%; đến năm 2000 tỷ trọng đó tương ứng là 22,2%, 52,2% và 25,6%, năm 2004 tương ứng là 16%, 57% và 27%.

**Biểu 3. Cơ cấu GDP theo ngành qua một số năm**



Chú thích: \* ước tính

Nguồn: Số liệu Cục Thống kê Đồng Nai, 2005.

Một trong những thành công đáng kể của Đồng Nai trong 15 năm qua là tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ đã tăng đáng kể, hai khu vực này đã thu hút một lực lượng lớn lao động, tạo nhân tố thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế. Từ năm 1996 cho đến 2004, riêng khu vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thu hút được 83.950 lao động (bình quân 13.992 lao động/năm). Việc đẩy mạnh thực hiện các chủ trương phát triển công nghiệp và kết cấu hạ tầng trong quy hoạch các địa phương, đặc biệt là quy

hoạch phát triển các khu công nghiệp trong vùng<sup>(1)</sup>, đã vạch ra hướng đi đúng trong phát triển kinh tế của tỉnh. Trong công nghiệp đã hình thành một loạt ngành chủ lực như chế biến nông sản thực phẩm, công nghiệp giày da, may mặc, công nghiệp khai thác và vật liệu xây dựng, lắp ráp điện tử... Ngành thương mại cũng phát triển rất nhanh và mạnh, đến năm 2004, thương mại đã chiếm tỷ trọng tới 42% giá trị trong toàn ngành dịch vụ.

Mấy năm gần đây, khu vực dịch vụ sau một thời gian tăng nhanh đã chững lại và tăng chậm hơn nhịp độ tăng trưởng chung của GDP, làm giảm khả năng lan tỏa tác động tích cực. Qua số liệu tính toán cho thấy tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu GDP của tỉnh từ 29,5% năm 1995 đã giảm xuống 25,4% năm 2001 mặc dù có tăng lên 27% vào năm 2004. Tỷ trọng khu vực dịch vụ của tỉnh có xu hướng giảm là điều đáng lo ngại. Sự chuyển dịch không đúng hướng này làm giảm hiệu quả kinh tế - xã hội trong phát triển chung. Nếu xu thế này không được điều chỉnh kịp thời trên cơ sở các chính sách ưu tiên đầu tư thúc đẩy phát triển mạnh thương mại, dịch vụ, du lịch, dịch vụ tài chính ngân hàng, dịch vụ vận tải, bưu điện... thì các yếu tố bất lợi cho phát triển kinh tế của vùng sẽ nảy sinh tiếp tục làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Các thành phần kinh tế đã được khuyến khích phát triển. Từ chỗ chỉ có hai thành phần kinh tế chủ yếu là kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể đến nay đã có thêm nhiều thành phần kinh tế khác, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Trước năm 1990, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài từ chỗ không có, đến nay khu vực kinh tế này đã đóng góp 63% giá trị tổng sản lượng công nghiệp của tỉnh và đóng góp đến 95% giá trị xuất khẩu của tỉnh. Mặc dù vậy, khu vực kinh tế nhà nước vẫn chiếm những vị trí chủ đạo, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế khác phát huy tiềm năng to lớn của mình góp phần vào sự phát triển kinh tế chung. Đến năm 2004, kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng 26,5% GDP của tỉnh (theo giá thực tế), các doanh nghiệp nhà nước đã đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới và luôn nắm

---

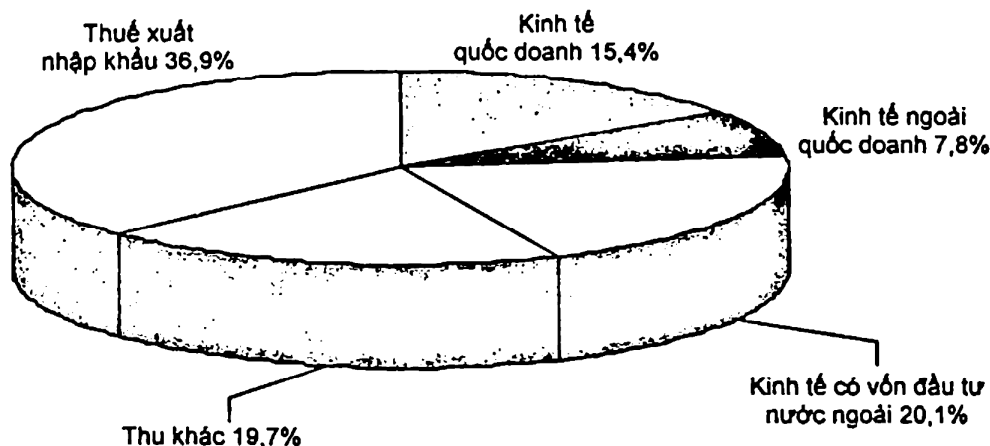
<sup>(1)</sup> Tính đến tháng 9-2005, Đồng Nai đã quy hoạch tổng thể 23 khu công nghiệp tập trung, trong đó 17 khu công nghiệp chính thức đi vào hoạt động. Diện tích lấp đầy tính chung cho toàn bộ 17 khu công nghiệp này là 2.089,12 ha, chiếm 58,6% diện tích đất dành cho thuê với đại bộ phận doanh nghiệp thuê là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

giữ những khâu quan trọng và những sản phẩm chủ lực của nền kinh tế như thép, điện, phân bón, giấy, đường, thông tin liên lạc, tài chính, tín dụng.

Một thành công quan trọng đáng ghi nhận nữa của tỉnh là sự chuyển biến tích cực trong lĩnh vực tích lũy và đầu tư. Tích lũy của nền kinh tế tỉnh Đồng Nai tăng khá nhanh, tổng tích lũy (tính theo giá thực tế) năm 1995 là 1.438,47 tỷ đồng, đến năm 2000 là 4.035,1 tỷ đồng, gấp gần 9 lần mức tích lũy của năm 1991, năm 2004 là 11.098,814 tỷ đồng, gấp gần 3 lần mức tích lũy của năm 2000. Trong thời gian qua, không chỉ tăng mạnh về thu hút đầu tư nước ngoài mà tất cả các nguồn đầu tư của các khu vực, ngành và thành phần kinh tế đều tăng cao. Đây là hiệu quả tổng hợp của nhiều nhân tố tích cực, từ đổi mới cơ chế chính sách ở tầm vĩ mô, thực hiện cải cách hành chính, thực hiện dân chủ ở cơ sở, đẩy mạnh đầu tư cho kết cấu hạ tầng... đến sự tháo gỡ những vướng mắc cho doanh nghiệp về thủ tục đầu tư, giao và cho thuê đất, về giải ngân vốn.

Những thành công trong phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng Nai trong thời gian qua, đặc biệt là sau đổi mới là tiền đề quan trọng nhất giúp Đồng Nai luôn đạt kết quả tốt trong lĩnh vực thu chi ngân sách. Trong suốt 30 năm qua, Đồng Nai luôn là một trong số ít tỉnh của cả nước có số thu ngân sách cao và ổn định, đóng góp nhiều cho ngân sách Trung ương điều tiết chung cho cả nước. Thu ngân sách của Đồng Nai không những đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên mà còn dành được phần đáng kể cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, dự phòng ngân sách và dự trữ tài chính của tỉnh.

**Biểu 4. Cơ cấu thu ngân sách, năm 2004**

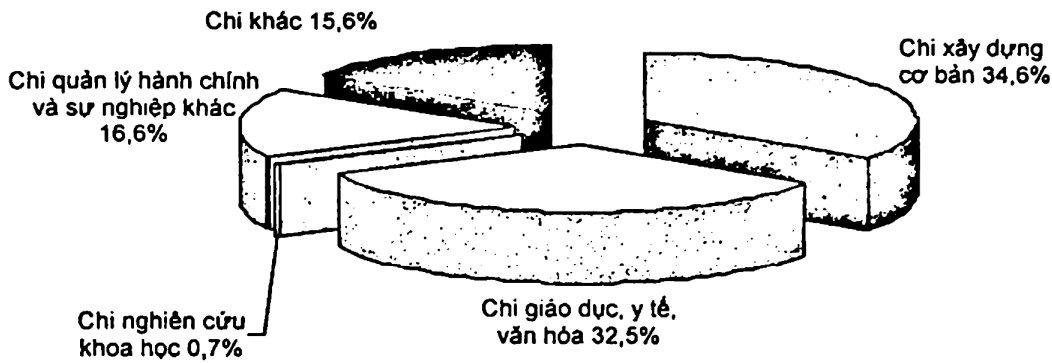


*Nguồn: Số liệu Cục Thống kê Đồng Nai.*

Tốc độ tăng thu ngân sách của Đồng Nai luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tính trung bình, khi tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 1976-1995 là 13,9%/năm thì tốc độ tăng thu ngân sách đạt 15%/năm, giai đoạn 1996-2004 có tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân là 12% thì tốc độ tăng thu ngân sách vượt hơn nhiều, đạt 19%/năm. Điều này cho thấy thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đang ngày càng có xu hướng hiệu quả tăng cao hơn. Trong 30 năm qua, thu ngân sách của Đồng Nai luôn chiếm hơn 20% so với GDP của tỉnh. Tính đến năm 2000, thu ngân sách địa phương đã lên đến hơn 2.600 tỷ đồng, gấp 22 lần so với năm 1990 và chiếm gần 20% GDP. Năm 2004, thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 6.644 tỷ đồng, chiếm tới gần 30% GDP của tỉnh, trong đó thu từ thuế và phí chiếm tới hơn 90% tổng thu ngân sách.

Điểm đáng chú ý là thu từ khu vực quốc doanh luôn chiếm tỷ trọng cao trong thu ngân sách trên địa bàn tỉnh trong suốt thời gian tính đến năm 2000. Tính cho giai đoạn 1990-2000, tỷ trọng thu từ khu vực quốc doanh chiếm trong khoảng từ 30% đến 50% tổng thu nội địa (là phần thu không kể thuế xuất nhập khẩu). Đây là nguồn tài chính quan trọng đóng góp phần lớn vào việc cân đối ngân sách và phục vụ đặc lực cho nhu cầu đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn này. Tuy nhiên, tỷ trọng này đang có chiều hướng giảm dần do sự phát triển của khu vực ngoài quốc doanh ở Đồng Nai, đặc biệt là của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đang đóng góp ngày càng nhiều cho nguồn thu ngân sách của tỉnh. Nếu năm 1995, thu từ khu vực kinh tế có vốn nước ngoài mới chỉ chiếm 11% tổng thu nội địa thì đến năm 2004 khu vực này đã vượt cả khu vực quốc doanh, nộp ngân sách hơn 1.170 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 30%. Như vậy, khu vực kinh tế có vốn nước ngoài đã thực sự là một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế Đồng Nai xét theo cả hai góc độ đóng góp cho tăng trưởng kinh tế nói chung và đóng góp ngân sách của tỉnh nói riêng. Đó là chưa kể đến phần đóng góp của khu vực này trong thu thuế xuất nhập khẩu nếu biết rằng tỷ trọng xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài lên đến 95% trong cơ cấu xuất nhập khẩu của tỉnh hiện nay.

**Biểu 5. Cơ cấu chi ngân sách, năm 2004**



*Nguồn: Số liệu Cục Thống kê Đồng Nai.*

Thu ngân sách ổn định và tăng dần trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã giúp cải thiện hoạt động chi ngân sách của Đồng Nai. Chi ngân sách trong thời gian qua đã góp phần quan trọng tạo ra những tiến bộ trong tăng trưởng GDP, nâng dần tỷ lệ tích lũy nội bộ của nền kinh tế tỉnh, tăng dự trữ tài chính, tăng chi cho đầu tư phát triển và tăng hiệu quả chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo, y tế và xoá đói giảm nghèo. Kể từ năm 1990 đến nay, mức chi ngân sách địa phương luôn tăng liên tục qua các năm. Bình quân giai đoạn 1990-1995, mỗi năm chi ngân sách tăng 43,2%, giai đoạn 1996 đến nay trung bình mỗi năm chi ngân sách tăng hơn 20%. Năm 2004, tổng chi ngân sách của Đồng Nai đạt 2.163 tỷ đồng, bằng 57% của mức tổng thu nội địa.

Điều quan trọng là Đồng Nai luôn chú trọng sử dụng hợp lý cơ cấu chi ngân sách, trong đó đặc biệt tập trung cho chi cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và chi cho sự nghiệp y tế, giáo dục, khoa học. Đây là những khâu trọng yếu đảm bảo cho sự phát triển kinh tế bền vững của tỉnh trong dài hạn, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng. Hai khu vực này luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi của tỉnh. Các mức chi cho khu vực này năm sau đều cao hơn năm trước. Năm 2004, Đồng Nai đã chi cho xây dựng cơ bản hơn 700 tỷ đồng, chiếm khoảng 35% tổng chi ngân sách; chi cho sự nghiệp y tế, giáo dục là 704 tỷ đồng, chiếm 32,5% tổng chi ngân sách. Đồng thời với những ưu tiên chi ngân sách cho những lĩnh vực quan trọng này, ngân sách địa phương cũng đảm bảo chi hợp lý và hiệu quả cho